

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: 82/2014/QH13

Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

VỀ VIỆC THI HÀNH LUẬT TỔ CHỨC VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

QUỐC HỘI

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

Kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2015 đến ngày 01 tháng 6 năm 2015:

1. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm rà soát, chuẩn bị về tổ chức bộ máy, cán bộ, cơ sở vật chất và các điều kiện khác để bảo đảm hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân các cấp theo quy định của Luật này;
2. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao hết nhiệm kỳ tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cho đến khi được xem xét, bổ nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều này;
3. Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên sơ cấp hết nhiệm kỳ tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cho đến khi được xem xét, bổ nhiệm lại theo quy định của Luật này; việc xem xét, bổ nhiệm lại các Kiểm sát viên này phải thực hiện xong trước ngày 30 tháng 9 năm 2015;
4. Căn cứ Điều 40, Điều 49 và khoản 3 Điều 63 của Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định thành lập các Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, phê chuẩn bộ máy làm việc của Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
5. Căn cứ khoản 4 và khoản 5 Điều 63, Điều 74, Điều 76, điểm b và điểm c khoản 1 Điều 79, điểm b và điểm c khoản 1 Điều 80, khoản 1 Điều 93 của Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm:
 - a) Xem xét, quyết định đề nghị Chủ tịch nước bổ nhiệm các Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

b) Xem xét, quyết định bổ nhiệm làm Kiểm sát viên cao cấp đối với các Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao được bổ nhiệm trước ngày 01 tháng 6 năm 2015 mà không được bổ nhiệm làm Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao theo quy định của Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân.

Điều 2.

Kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2015:

1. Những nhiệm vụ, quyền hạn mới của Viện kiểm sát nhân dân quy định tại các điểm b, c, e và g khoản 3 Điều 3, khoản 4 Điều 12 và thẩm quyền của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát quân sự trung ương quy định tại Điều 20 của Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân được thực hiện sau khi Bộ luật tố tụng hình sự hiện hành được sửa đổi, bổ sung và luật về tổ chức cơ quan điều tra hình sự được Quốc hội thông qua và có hiệu lực thi hành quy định những nhiệm vụ, quyền hạn này thống nhất với Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân.

Trong thời gian Bộ luật tố tụng hình sự hiện hành chưa được sửa đổi, bổ sung, luật về tổ chức cơ quan điều tra hình sự chưa được Quốc hội thông qua và chưa có hiệu lực thi hành thì Viện kiểm sát nhân dân, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát quân sự trung ương tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự hiện hành;

2. Viện kiểm sát nhân dân tối cao chuyển giao nhiệm vụ thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử phúc thẩm cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao.

Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh chuyển giao nhiệm vụ thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao;

3. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp đối với các vụ án, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp cao;

b) Thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết theo thủ tục phúc thẩm đối với bản án, quyết định chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã có kháng cáo, kháng nghị mà chưa được giải quyết;

c) Thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương, Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã có kháng nghị mà chưa được giải quyết;

d) Giải quyết kiến nghị, đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương

đương, Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã được Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tối cao thụ lý mà chưa được giải quyết;

4. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương, Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi lãnh thổ thuộc thẩm quyền;

5. Kiểm sát viên cao cấp được bổ nhiệm theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 1 của Nghị quyết này sau đó được xem xét bổ nhiệm làm Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao thì không áp dụng điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 80 của Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân;

6. Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên sơ cấp còn nhiệm kỳ tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cho đến hết nhiệm kỳ theo quyết định bổ nhiệm;

7. Lương và phụ cấp của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm sát viên cao cấp được thực hiện tương ứng với lương và phụ cấp của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao theo quy định pháp luật hiện hành cho đến khi có chế độ lương và phụ cấp mới.

Điều 3.

1. Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, tự mình hoặc phối hợp với các cơ quan hữu quan rà soát các văn bản pháp luật có liên quan đến Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân để hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản mới theo thẩm quyền; đề nghị Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan hữu quan hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản mới phù hợp với Luật này.

2. Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2014.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Nguyễn Sinh Hùng